TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 242/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 27 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Lê Đình C. Sinh năm 1993.

Địa chỉ: B T 4, xã B T, thị xã B H, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Lê Thị Mỹ H. Sinh năm 2001.

Địa chỉ: Tổ X, khu vực Y, phường A H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình C và chị Lê Thị Mỹ H có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B T, thị xã B H, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/7/2020, nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, khoảng năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nên anh C và chị H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Lê Đình C và chị Lê Thị Mỹ H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Mỹ Nh, sinh ngày 16/11/2019. Anh C và chị H thỏa thuận giao con chung cháu Lê Thị Mỹ Nh cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hai bên thỏa thuận anh Lê Đình C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Lê Thị Mỹ Nh mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu Lê Thị Mỹ Nh đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

[4] Về tài sản chung: Anh Lê Đình C và chị Lê Thị Mỹ H xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Lê Đình C và chị Lê Thị Mỹ H xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Toà án: Anh Lê Đình C và chị Lê Thị Mỹ H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh C và chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005823 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên anh C và chị H không phải nộp tiếp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình C và chị Lê Thị Mỹ H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Đình C và chị Lê Thị Mỹ H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Mỹ Nh, sinh ngày 16/11/2019. Anh C và chị H thỏa thuận giao con chung cháu Lê Thị Mỹ Nh cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Hai bên thỏa thuận anh Lê Đình C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Lê Thị Mỹ Nh mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu Lê Thị Mỹ Nh đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Lê Đình C và chị Lê Thị Mỹ H xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Đình C và chị Lê Thị Mỹ H xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Đình C và chị Lê Thị Mỹ H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh C và chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số AA/2021/0005823 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên anh C và chị H không phải nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND xã B T,
Thị xã B H, tỉnh Đắk Lắk;
(ĐKKH số 41 ngày 01/7/2020);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Dũng